

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm mạnh sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý áp dụng giãn cách theo chỉ thị 16 đối với 16 tỉnh thành phía Nam và áp dụng các biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19 tại Hà Nội.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

VIB, DRC

[Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ.

19/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,243.51	-4.29
VN30	1,374.15	-4.44
HĐTL VN30F1M	1,368.00	-5.00
HNXIndex	292.06	-5.10
HNX30	453.32	-5.71
UPCoM	82.59	-3.21
USD/VND	23,014	+0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.16	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.85	+14
Dầu (WTI, \$)	69.79	-2.81
Vàng (LME, \$)	1,804.48	-0.42



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,243.51 (-4.29%)

KLGD (triệu CP) 731.0 (+79.2%)

GTGD (triệu US\$) 949.3 (+41.3%)

HNXIndex 292.06 (-5.10%)

KLGD (triệu CP) 126.3 (+28.9%)

GTGD (triệu US\$) 105.8 (+8.7%)

UPCoM 82.59 (-3.21%)

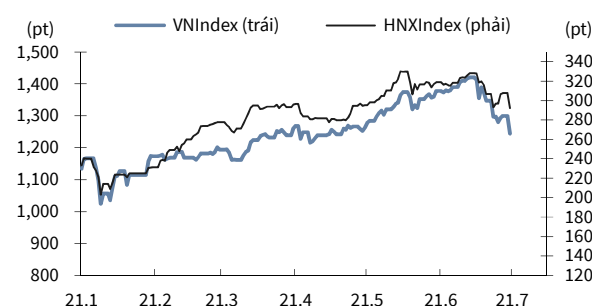
KLGD (triệu CP) 81.9 (+3.6%)

GTGD (triệu US\$) 43.3 (+10.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -4.7

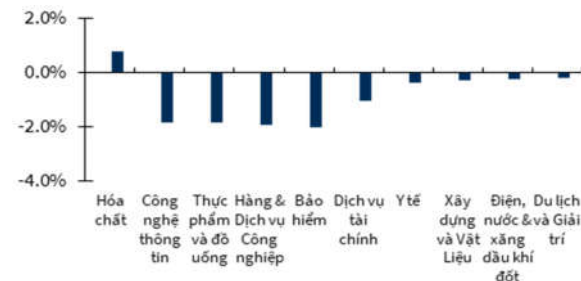
TTCK Việt Nam giảm mạnh sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý áp dụng giãn cách theo chỉ thị 16 đối với 16 tỉnh thành phía Nam và áp dụng các biện pháp cấp bách phòng chống dịch COVID-19 tại Hà Nội. Giá dầu giảm sau khi OPEC + đồng ý tăng nguồn cung dầu thêm 400,000 thùng/ngày bắt đầu từ tháng 8 sau khi UAE, Ả Rập Xê Út đạt được thỏa hiệp khiến cổ phiếu nhóm dầu khí giảm giá ở BSR (-7.2%), PVD (-6.8%). Cục Hàng không Việt Nam quyết định dừng tất cả các đường bay nội địa chở khách đi, đến các cảng hàng không thuộc các tỉnh, thành phố phía Nam áp dụng giãn cách xã hội tác động tiêu cực đến cổ phiếu hàng không ở HVN (-5.9%), VJC (-1.2%). Cổ phiếu cảng biển tăng giá ở SGP (+1.4%), GMD (+1.2%) trước thông tin từ Cục Hàng hải Việt Nam, khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 6 năm 2021 đạt 61,834,000 tấn (+6% YoY), trong đó khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển là 2.3 triệu Teus (+27% YoY). Khối ngoại bán ròng ở FUEVFNVD (-4.4%), KDH (+1%), HPG (-5.2%).

VNIndex & HNXIndex



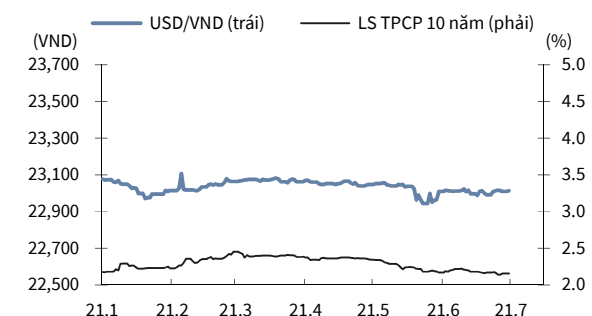
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

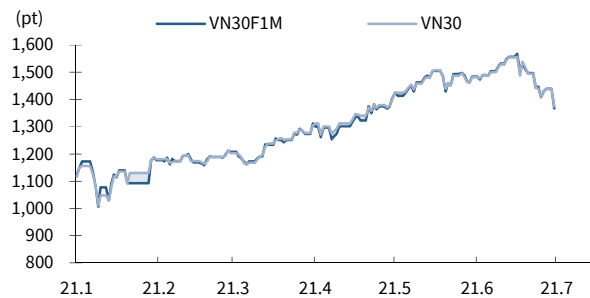
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,374.15 (-4.44%)
VN30F1M	1,368.0 (-5.00%)
Mở cửa	1,414.8
Cao nhất	1,415.0
Thấp nhất	1,366.6

Các HĐTL đồng loạt giảm điểm trong phiên, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. F2108 giảm mạnh hơn chỉ số VN30 vào đầu phiên sáng ở mức -30.0 điểm sau đó đảo chiều và giao động giằng co trong biên độ dương trước khi tiếp tục giảm mạnh trong phiên ATC. NĐTNN giao dịch cân bằng với trong phiên hôm nay với thanh khoản tăng.

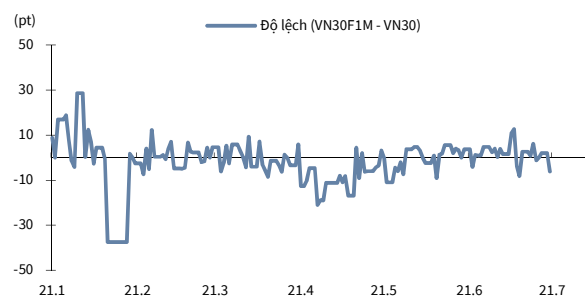
KLGD (HĐ)	309,140 (+22.5%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



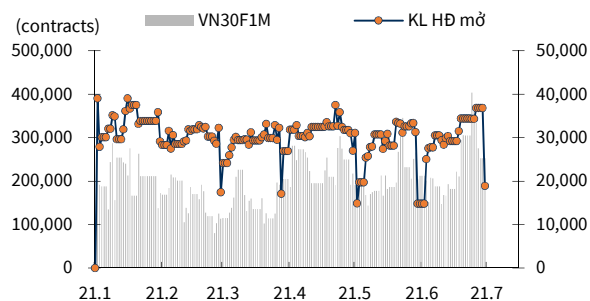
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



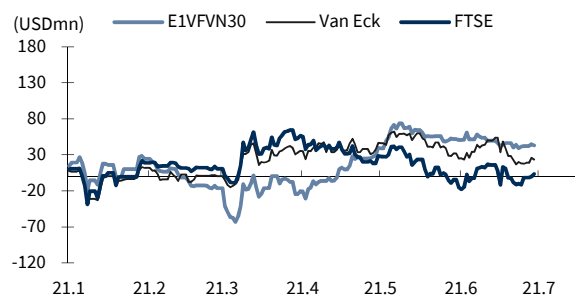
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

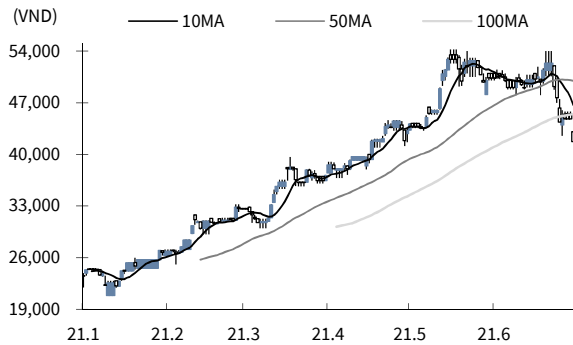
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

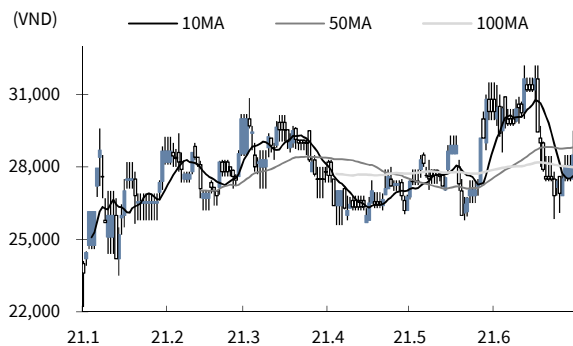
Ngân hàng Quốc Tế (VIB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIB giảm -6.9% xuống 41,750 VNĐ/cp.
- VIB công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với lợi nhuận trước thuế đạt 3,952 tỷ đồng (+68% YoY), tổng doanh thu 7,308 tỷ đồng (+52% YoY). Ban lãnh đạo cho biết tăng trưởng tín dụng đạt 8.1%, trong đó tăng trưởng tín dụng bán lẻ đạt 14.2%.
- Mới đây, VIB cam kết giảm lãi suất cho vay đối với các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp chịu tác động của dịch bệnh Covid-19 với mức giảm bình quân 1.5%

Cao su Đà Nẵng (DRC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DRC tăng 1.6% lên 28,500 VNĐ/cp.
- Cao su Đà Nẵng công bố báo cáo tài chính quý II với lợi nhuận 106 tỷ đồng (+121% YoY), doanh thu thuần tăng 53% lên 1,204,6 tỷ đồng và biên lợi nhuận gộp tăng từ 15% lên 19%. Đáng chú ý, chi phí bán hàng tăng mạnh 107% YoY bởi chi phí vận tải tăng cao và dòng tiền kinh doanh âm do tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ ở mức 1,971 tỷ đồng, tăng 87% YoY.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX tạo gap giảm điểm ngay từ thời điểm mở cửa và tiếp tục lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Sau khi đánh mất vùng hỗ trợ gần, việc chỉ số giảm sâu với thanh khoản tăng trở lại cho thấy áp lực của bên bán đang có phần chiếm ưu thế. Mặc dù vậy, sau nhịp giảm sâu, VNINDEX sẽ sớm nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ mạnh quanh 1220 (+-10). Bên cạnh đó, kết hợp quan sát một số mã bluechips cũng đang về lại các điểm đỡ đáng chú ý, dòng tiền bắt đáy sẽ sớm gia tăng trong những phiên tới.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nâng dần tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa:

Kháng cự gần:

Hỗ trợ gần:

Hỗ trợ xa:

- F1 cũng tạo gap giảm điểm ngay từ thời điểm mở cửa và tiếp tục lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Sau khi đánh mất vùng hỗ trợ gần, việc chỉ số giảm sâu với thanh khoản tăng trở lại cho thấy áp lực của bên bán đang có phần chiếm ưu thế. Mặc dù vậy, sau nhịp giảm sâu, F1 sẽ sớm nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ mạnh quanh 1340 (+-10) và khả năng tạo đáy ngắn hạn có thể được tính đến.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Quay lại chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở thăm dò từng phần vị thế LONG khi chỉ số test các vùng hỗ trợ trong phiên nhưng tuân thủ điểm STOP.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

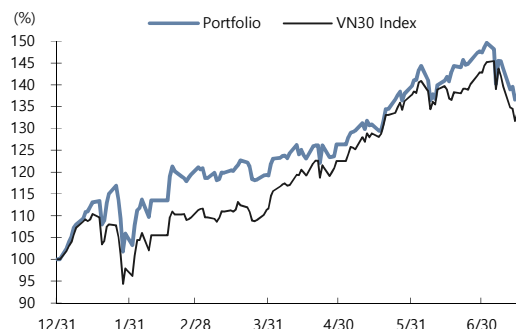
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-4.44%	-4.45%
Tăng lũy kế (YTD)	28.33%	32.20%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	156,500	-6.9%	35.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	37,500	0.8%	53.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	91,600	-4.6%	19.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,150	-6.7%	115.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	50,800	-2.1%	49.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,700	-2.4%	191.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	32,250	-6.9%	70.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	86,700	-3.7%	18.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,300	-5.2%	206.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	30,500	-6.7%	122.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	-3.3%	26.7%	126.2
VNM	-1.1%	48.5%	121.5
NVL	-1.5%	14.0%	49.3
DXG	-6.9%	55.1%	43.1
VHM	-4.3%	11.7%	36.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEFVND	-4.4%	15.8%	-202.6
KDH	1.0%	18.4%	-142.4
HPG	-5.2%	33.2%	-70.8
MSN	-0.9%	30.6%	-43.4
HCM	-6.9%	4.0%	-29.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Dầu khí	1.6%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	0.8%	MSN, SBT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%	VCG, SII
Xây dựng và Vật Liệu	-0.5%	LGC, GMD
Hóa chất	-0.7%	DPM, DCM

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Ngân hàng	-10.0%	VCB, TCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	-7.8%	PNJ, TCM
Truyền thông	-4.5%	YEG, ADG
Bán lẻ	-4.1%	MWG, DGW
Bảo hiểm	-4.0%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BSI	-6.6%	1.8%	7.2
MBS	-9.8%	0.9%	5.5
VND	-7.6%	0.6%	2.1
KHG	30.0%	1.7%	0.9
APS	-10.0%	0.6%	0.8

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	2.5%	16.3%	-2.0
NTP	-2.0%	4.0%	-1.4
DXS	-6.7%	0.8%	-0.9
TVB	3.6%	2.1%	-0.3
HHC	0.1%	18.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Bán lẻ	16.1%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	3.6%	FPT, SGT
Dịch vụ tài chính	0.4%	SSI, HCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, PPC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.2%	STK, PNJ

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Bảo hiểm	-13.1%	BVH, BIC
Truyền thông	-12.2%	YEG, ADG
Tài nguyên Cơ bản	-9.4%	HPG, HSG
Ô tô và phụ tùng	-8.4%	TCH, HAX
Dầu khí	-8.0%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	238,861 (10.4)	22.5	59.4	55.1	14.7	6.8	8.2	3.9	3.6	-2.7	-1.1	12.4	-4.9
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	483,611 (21.0)	26.6	11.1	9.9	35.9	31.5	27.5	3.0	2.3	-4.3	-3.4	-7.3	16.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	125,889 (5.5)	17.8	21.8	17.7	-7.6	8.8	10.1	2.0	1.7	-3.2	-0.7	17.5	-14.6
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	407,356 (17.7)	31.3	27.9	30.6	6.7	16.2	13.0	4.4	4.3	-1.5	-2.0	0.0	114.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	98,591 (4.3)	11.6	19.3	14.3	18.0	14.2	17.0	2.5	2.2	0.9	3.0	-0.1	40.0
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	159,562 (6.9)	13.9	7.9	7.1	-	19.1	18.2	1.4	1.2	-6.9	-8.6	16.8	26.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	217,616 (9.5)	6.3	15.4	13.3	11.7	22.1	21.5	3.1	2.5	-5.4	-9.4	10.6	-0.9
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	159,390 (6.9)	12.7	16.9	12.4	-5.3	12.0	14.6	1.8	1.5	-6.7	-5.6	14.1	-17.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,348,403 (58.6)	0.0	10.3	8.8	14.3	19.9	19.2	1.9	1.5	-7.0	10.3	-5.9	52.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	889,806 (38.7)	1.4	8.0	7.1	61.1	20.4	19.7	1.4	1.2	-6.9	-7.9	18.7	20.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,374,228 (59.7)	0.0	10.6	10.1	18.8	25.5	18.5	2.0	1.6	-7.0	-6.3	-9.8	84.6
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	894,779 (38.9)	0.0	9.3	8.0	14.6	21.3	20.7	1.7	1.4	-6.7	-8.9	-9.6	60.8
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	147,330 (6.4)	4.2	9.3	7.7	23.3	21.2	20.1	1.7	1.4	-4.6	-5.6	-6.9	34.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	922,582 (40.1)	14.0	21.1	14.2	26.5	8.9	11.8	1.6	1.5	-3.3	-3.2	-7.3	62.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	180,463 (7.8)	0.0	7.5	6.2	37.5	23.0	21.4	1.5	1.2	-6.9	10.0	11.1	17.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	16,793 (0.7)	0.2	37.6	20.4	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	-3.9	-9.9	12.9	34.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,201 (3.1)	21.0	20.8	18.4	15.2	8.4	9.0	1.7	1.6	-5.9	-4.6	21.3	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	17,354 (0.8)	14.2	17.4	13.7	9.1	11.4	11.7	1.4	1.3	-2.5	-1.3	-3.9	21.2
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	723,571 (31.4)	55.4	24.6	20.0	-3.2	14.1	14.5	3.6	3.3	-6.6	-0.4	-2.4	48.9
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	168,283 (7.3)	71.9	14.8	11.6	-4.0	22.8	25.3	3.2	2.7	-6.9	-5.8	-7.6	66.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	298,588 (13.0)	52.4	17.8	13.5	-19.0	20.5	21.4	2.9	2.7	-6.9	-0.6	-0.2	41.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	290,616 (12.6)	27.2	14.4	13.5	36.3	21.3	17.0	2.4	2.2	-7.6	0.0	13.5	101.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	290,483 (12.6)	42.1	17.3	16.3	4.0	33.9	34.5	5.3	5.1	-1.0	-1.5	-7.7	-21.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,956 (1.0)	36.9	20.1	17.5	7.3	23.2	23.6	4.2	3.9	-2.2	-2.7	-9.8	-20.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	183,434 (8.0)	16.5	50.8	29.5	-51.9	12.9	17.9	6.9	5.5	-0.9	-0.4	12.1	34.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	117,670 (5.1)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-4.7	25.1	-43.4
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	76,427 (3.3)	11.0	152.0	23.3	-88.5	3.8	16.6	3.3	2.7	-1.2	-5.0	-1.7	-8.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	112,364 (4.9)	10.8	24.7	17.2	-57.0	8.7	12.1	2.0	1.9	1.2	7.5	-5.0	27.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	45,887 (2.0)	38.4	12.2	7.4	65.7	6.5	9.9	0.9	0.8	-2.5	-2.5	19.2	-27.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	97,404 (4.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-7.0	-3.1	33.1	85.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	143,818 (6.3)	37.7	14.9	10.3	-12.7	12.7	13.8	-	-	-4.8	-5.6	-9.1	16.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	21,747 (0.9)	3.6	13.4	11.9	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-1.2	-4.0	-4.8	-23.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	33,582 (1.5)	0.0	8.7	7.0	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	-2.1	-2.9	14.9	3.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	95,106 (4.1)	46.1	16.4	14.9	-17.5	20.0	20.4	3.1	2.9	-3.7	-1.5	-6.5	0.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,653 (0.3)	31.4	12.7	8.5	-10.5	10.2	15.3	1.3	1.2	-2.6	-1.3	-	-24.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,262 (0.3)	34.1	9.3	9.3	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.2	-1.9	-3.6	-4.2	-5.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,577,818 (68.6)	18.0	7.1	6.7	21.9	39.0	28.9	2.2	1.7	-5.2	-1.4	-	44.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	53,259 (2.3)	36.5	9.4	12.9	-0.5	11.0	7.8	1.0	0.9	-2.3	5.1	-8.8	10.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	70,506 (3.1)	46.5	14.7	15.2	-4.5	10.1	9.1	1.4	1.3	-5.1	3.8	-	18.6
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	449,821 (19.5)	38.9	4.9	6.3	67.9	43.0	23.9	1.7	1.3	-6.8	0.3	-	64.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	216,824 (9.4)	97.2	9.5	10.2	17.2	10.5	11.0	0.9	0.9	-6.0	-3.9	-	2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	123,432 (5.4)	4.6	18.0	15.0	-51.0	15.7	16.7	2.5	2.5	-4.1	-1.3	-	-10.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	150,147 (6.5)	39.9	39.1	16.4	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	-6.8	-6.1	-	10.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	87,433 (3.8)	35.9	8.0	7.5	1.2	13.6	13.4	1.1	1.0	-6.8	-3.7	-	22.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	164,770 (7.2)	0.0	14.5	12.1	13.7	26.5	26.7	3.7	3.0	-6.9	11.4	11.0	31.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	70,146 (3.0)	0.0	15.7	12.4	2.4	24.1	23.8	3.4	2.8	-4.6	10.3	-6.5	13.1
	YEG	YEAHI GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,318 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-3.1	-5.1	-	-65.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	60,010 (2.6)	30.3	23.0	16.1	-75.2	8.5	11.8	1.9	1.8	1.0	1.8	7.3	-4.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	43,135 (1.9)	34.6	7.5	10.6	41.2	26.2	19.9	1.9	1.9	-4.1	-1.4	-	-24.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,474 (0.1)	45.4	16.7	15.3	10.7	20.5	20.7	3.2	2.9	2.1	2.1	-2.1	-9.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	057 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	3.1	0.0	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	249,348 (10.8)	0.0	19.3	15.8	15.6	25.6	26.4	4.2	3.7	-2.4	-1.6	1.1	64.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Năm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.